



**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành
Thành Công Tây Ninh và công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết
thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP **ngày** 15 tháng 7 năm 1995

Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 **ngày** 23 tháng 3 năm 2007

Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh 14 lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 24 tháng 3 năm 2015. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 2 năm 2015)
	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Chủ tịch (đến ngày 27 tháng 2 năm 2015)
	Ông Lê Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
	Ông Võ Tông Xuân	Thành viên
	Ông Nguyễn Bá Chú	Thành viên
	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên (từ ngày 27 tháng 2 năm 2015)
	Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (từ ngày 17 tháng 4 năm 2015)
Ông Thái Văn Chuyện	Thành viên (đến ngày 17 tháng 4 năm 2015)	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 11 năm 2014)
	Ông Nguyễn Bá Chú	Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 10 năm 2014)
	Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
	Ông Nguyễn Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trương Thị Hồng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 1 năm 2015)
	Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc Nông nghiệp (đến ngày 25 tháng 7 năm 2014)
	Ông Nguyễn Việt Hùng	Giám đốc Nông nghiệp
	Ông Lê Đức Tôn	Giám đốc Nhà máy
	Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Tài chính (từ ngày 21 tháng 1 năm 2015)
Ông Trang Thanh Trúc	Giám đốc Đối ngoại (từ ngày 1 tháng 3 năm 2015)	
Bà Lê Hà Mai Thảo	Giám đốc Nhân sự (từ ngày 1 tháng 3 năm 2015)	
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
	Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên
	Ông Lê Văn Hòa	Thành viên
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Phạm Hồng Dương
Chủ tịch

Tỉnh Tây Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 9 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo kiểm toán số: 15-01-104

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Cẩm Tú
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 2193-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2015

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.891.254.681.331	2.022.213.806.741
Tiền	110	5	138.062.494.402	258.582.561.758
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	186.021.531.368	96.016.483.079
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		187.124.761.428	122.188.965.070
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(1.103.230.060)	(26.172.481.991)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	769.736.972.185	1.022.253.075.770
Phải thu khách hàng	131		268.961.211.094	283.177.884.083
Trả trước cho người bán	132		474.876.118.998	610.114.801.259
Các khoản phải thu khác	135		49.186.917.643	160.743.216.447
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(23.287.275.550)	(31.782.826.019)
Hàng tồn kho	140	8	749.235.990.504	613.061.630.838
Hàng tồn kho	141		750.055.482.080	613.304.187.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(819.491.576)	(242.556.887)
Tài sản ngắn hạn khác	150		48.197.692.872	32.300.055.296
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	33.159.799.557	28.955.488.757
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.385.635	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.844.552.180	1.536.386.539
Tài sản ngắn hạn khác	158		12.162.955.500	1.808.180.000
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.405.330.838.745	1.355.883.081.951
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	48.611.724.058	34.788.048.229
Phải thu dài hạn khác	218		48.611.724.058	34.788.048.229
Tài sản cố định	220		703.959.383.977	600.304.488.586
Tài sản cố định hữu hình	221	10	476.155.185.794	515.883.717.417
Nguyên giá	222		1.747.107.486.692	1.703.505.216.002
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.270.952.300.898)	(1.187.621.498.585)
Tài sản cố định vô hình	227	11	57.255.863.933	40.836.847.665
Nguyên giá	228		68.915.328.391	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.659.464.458)	(10.271.894.306)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	170.548.334.250	43.583.923.504
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	612.260.559.873	694.377.230.823
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		517.891.777.476	618.760.451.526
Đầu tư dài hạn khác	258		94.437.115.484	75.685.862.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(68.333.087)	(69.083.087)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tài sản dài hạn khác	260		40.499.170.837	26.413.314.313
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	40.482.570.837	25.398.671.617
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.014.642.696
Tài sản dài hạn khác	268		16.600.000	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.296.585.520.076	3.378.096.888.692
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.375.001.591.370	1.644.050.764.039
Nợ ngắn hạn	310		866.292.962.370	1.564.580.556.039
Vay ngắn hạn	311	15	667.877.287.507	1.403.047.758.331
Phải trả người bán	312	16	82.666.961.595	70.009.425.207
Người mua trả tiền trước	313	17	81.251.627.841	48.363.947.151
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	840.996.228	4.388.001.365
Phải trả người lao động	315		4.512.096.380	2.205.023.120
Chi phí phải trả	316	19	10.819.139.091	10.146.426.957
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	5.138.453.729	4.069.856.415
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	21	13.186.399.999	22.350.117.493
Vay dài hạn	330		508.708.629.000	79.470.208.000
Nợ dài hạn khác	333		96.300.000	-
Vay dài hạn	334	22	508.612.329.000	79.470.208.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.920.948.011.116	1.734.046.124.653
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.920.948.011.116	1.734.046.124.653
Vốn cổ phần	411	24	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	414	24	(61.577.199.043)	(61.577.199.043)
Quỹ đầu tư phát triển	417		125.609.421.786	120.999.110.932
Quỹ dự phòng tài chính	418		101.816.231.999	99.511.076.572
Quỹ khác	419		(2.040.858.039)	(4.960.381.269)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		257.408.414.403	80.341.517.451
LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	23	635.917.590	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		3.296.585.520.076	3.378.096.888.692

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/6/2015	30/6/2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (KG)		20.700	1.617.365
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		16.219.350.430	9.155.696.273
Ngoại tệ Đô la Mỹ (“USD”)		3.624	2.785
Ngoại tệ Đô la Singapore (“SGD”)		461	-

Ngày 28 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thanh Ngũ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2015

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu	01	26	2.071.667.869.305	1.005.042.904.664
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	4.767.867.003	1.386.144.246
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	26	2.066.900.002.302	1.003.656.760.418
Giá vốn hàng bán	11	27	1.808.239.601.251	898.537.013.981
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		258.660.401.051	105.119.746.437
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	83.791.881.419	66.494.126.189
Chi phí tài chính	22	29	68.270.246.238	58.507.966.044
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>80.244.824.475</i>	<i>47.857.981.696</i>
Chi phí bán hàng	24	30	68.364.786.581	27.206.160.888
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	31	65.542.929.101	28.746.459.695
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		140.274.320.550	57.153.285.999
Thu nhập khác	31		17.394.161.133	5.268.322.004
Chi phí khác	32		9.253.823.362	4.524.038.527
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		8.140.337.771	744.283.477
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, giá trị thuần	45	13	59.890.974.620	10.701.542.219
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		208.305.632.941	68.599.111.695
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	18.317.918.389	15.877.464.175
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.014.642.696	5.070.565.650
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		188.973.071.856	47.651.081.870

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		188.973.071.856	47.651.081.870
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		635.917.590	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		188.337.154.266	47.651.081.870
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.317	332

Ngày 28 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	208.305.632.941	68.599.111.695
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	88.574.404.824	42.430.274.595
Các khoản dự phòng	03	(25.896.350.489)	9.789.477.210
(Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định	05	(2.341.024.505)	1.126.935.085
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05	-	812.137.653
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào các công ty liên kết	05	1.671.484.804	-
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào cổ phiếu	05	198.973.835	-
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, giá trị thuần	05	(59.890.974.620)	(10.701.542.219)
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho các bên liên quan	05	(50.343.534.228)	(40.160.882.055)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	05	(28.865.824.570)	(26.114.113.012)
Thu nhập cổ tức	05	(3.019.902.000)	-
Chi phí lãi vay	06	80.244.824.475	47.857.981.696
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	208.637.710.467	93.639.380.648
Biến động các khoản phải thu	09	250.275.743.016	132.604.068.069
Biến động hàng tồn kho	10	(132.076.921.166)	(386.784.228.565)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	43.461.243.110	(165.823.875.475)
Biến động chi phí trả trước	12	(19.157.570.020)	9.538.787.396
		351.140.205.407	(316.825.867.927)
Tiền lãi vay đã trả	13	(80.406.099.977)	(47.773.478.358)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(18.060.522.444)	(22.724.716.513)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(12.851.966.177)	(13.217.636.571)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	239.821.616.809	(400.541.699.369)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã Thuyết số minh	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	21	(207.041.728.947)	(19.688.634.287)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	9.134.090.637	2.627.272.727
Tiền chi cho các bên liên quan vay	23	(359.000.000.000)	(250.000.000.000)
Tiền thu từ các khoản cho các bên liên quan vay	24	308.960.577.469	310.000.000.000
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24	750.000	76.149.820
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(41.427.447.116)	(25.200.000.000)
Tiền chi đầu tư vào cổ phiếu	25	(11.489.398.197)	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào cổ phiếu	26	3.165.662.934	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào các công ty liên kết	26	169.287.050.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27	74.731.412.079	33.201.767.291
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(53.679.031.141)	51.016.555.551
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	3.401.281.174.602	1.782.645.221.547
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.707.309.524.426)	(1.380.102.454.355)
Tiền chi trả cổ tức	36	(634.303.200)	(72.220.718.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(306.662.653.024)	330.322.048.367

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

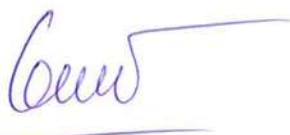
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã	Thuyết	Từ 1/7/2014	Từ 1/1/2014
	số	minh	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(120.520.067.356)	(19.203.095.451)
Tiền đầu năm/kỳ	60		258.582.561.758	277.785.657.209
Tiền cuối năm/kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	138.062.494.402	258.582.561.758

Ngày 28 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thanh Ngữ
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015**

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện đặt tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Cơ cấu của Tập đoàn như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
<i>Công ty con</i>				
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công (“TTCE”)	Sản xuất cồn và các sản phẩm liên quan; kinh doanh cồn và các sản phẩm liên quan (bán sỉ); sản xuất và kinh doanh điện; sản xuất phân bón và trồng mía.	Giấy phép Kinh doanh số 3901183393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2014.	90%	90%

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
<i>Các công ty liên kết</i>				
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công (“TTCIZ”)	Xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008.	49,00%	49,45%
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Đường Biên Hòa”)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001.	23,71%	21,64%
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong (“Đường Nước Trong”)	Sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.	Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005.	23,95%	23,95%

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty	Hoạt động chính	Giấy phép Kinh doanh	Lợi ích sở hữu	
			30/6/2015	30/06/2014
Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà (“Đường La Ngà”) (*)	Sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện; sản xuất, sửa chữa và mua bán các sản phẩm cơ khí.	Giấy phép Kinh doanh số 4703000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000.	-	24,89%
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“Mía đường Gia Lai”) (*)	Sản xuất đường và các phụ phẩm từ mía đường để bán; trồng mía; sản xuất điện để bán; thiết kế công trình dân dụng; chế biến sản phẩm nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh phân bón; và đầu tư tài chính.	Giấy phép Kinh doanh số 5900421955 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai cấp ngày 21 tháng 7 năm 2009.	-	23,69%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (“Hóa chất Tây Ninh”)	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm liên quan đến tinh bột; sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo, đồ uống không có cồn và nước khoáng, hợp chất nitơ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	Giấy phép Kinh doanh số 3900914957 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 1 năm 2013.	26,32%	26,32%
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công (“Mía Đường Thành Thành Công”)	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.	Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	48,00%	24,00%

(*) Trong năm, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ lợi ích của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà và Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai với số tiền thu được lần lượt là 51.020 triệu VND và 118.267 triệu VND.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông Thường niên ngày 17 tháng 9 năm 2014, các cổ đông đã thông qua việc cho phép Công ty sở hữu 100% cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”) bằng cách phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho các cổ đông hiện tại của SEC với tỉ lệ hoán đổi là 1:1,05. Ngày 22 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 37.142.739 cổ phiếu cho giao dịch trên và việc sáp nhập dự kiến sẽ hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có 524 nhân viên (30/6/2014: 508 nhân viên, trong đó có 5 nhân viên thời vụ).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty đã thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán đầu tiên sau ngày thay đổi là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Kỳ kế toán năm tiếp theo là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Do đó, số liệu so sánh trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất mà phản ánh kết quả hoạt động và dòng tiền từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (giai đoạn 6 tháng) là không thể so sánh được với những số liệu của kỳ hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm/kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập nếu khoản thu hồi đầu tư tăng sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị nhận đầu tư phát sinh sau ngày Tập đoàn mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Tập đoàn mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Trả trước cho người bán

Trong khoản trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân trồng mía và được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm/kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 6 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 10 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm/kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) *Vốn cổ phần*

(i) *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) *Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu*

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông.

(r) *Doanh thu và thu nhập khác*

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Doanh thu điện*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu tiền lãi*

Doanh thu tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) *Doanh thu từ cổ tức*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm/kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm/kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định hợp nhất biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết và các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên quan với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Tiền

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tiền mặt	1.033.535.614	1.630.674.379
Tiền gửi ngân hàng	137.028.958.788	256.951.887.379
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	138.062.494.402	258.582.561.758

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu	8.124.761.428	-
Cho một cổ đông vay, Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTC")	179.000.000.000	-
Cho một công ty liên kết vay, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công ("TTCIZ")	-	122.188.965.070
	187.124.761.428	122.188.965.070
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(1.103.230.060)	(26.172.481.991)
	186.021.531.368	96.016.483.079

Khoản cho TTC vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 8,5% trong năm.

Khoản cho TTCIZ vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 10,5% đến 12% trong năm (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 12%). Trong năm, khoản lãi lũy kế phát sinh là 6.771.612.399 VND (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 10.724.713.751 VND) đã được chuyển đổi thành nợ gốc vay. TTCIZ đã thanh toán đầy đủ khoản vay trong năm.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu năm/kỳ	122.188.965.070	171.464.251.319
Tăng trong năm/kỳ	377.261.010.596	260.724.713.751
Thanh lý	(3.364.636.769)	-
Thu hồi trong năm/kỳ	(308.960.577.469)	(310.000.000.000)
Số dư cuối năm/kỳ	187.124.761.428	122.188.965.070

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu năm/kỳ	26.172.481.991	26.752.268.285
Tăng trong năm/kỳ	1.103.230.060	-
Hoàn nhập	(26.172.481.991)	(579.786.294)
Số dư cuối năm/kỳ	1.103.230.060	26.172.481.991

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	2.329.324.000	61.881.972.000
Phi thương mại	1.633.831.351	102.988.056.975
Phải thu từ các bên liên quan khác		
Thương mại	1.900.491.026	291.664.130
Phi thương mại	1.216.117.461	6.787.840.584

Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được theo lịch trình đã được các bên đồng ý.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 125.000 triệu VND và VND tương đương 11,25 triệu USD (30/6/2014: 197.500 triệu VND và VND tương đương 25,25 triệu USD) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho các bên liên quan sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả trước cho các cổ đông		
Thương mại	42.937.860.073	-
Trả trước cho các bên liên quan khác		
Thương mại	112.840.138	165.580.800.000

Khoản trả trước cho các cổ đông không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 8,5% trong năm (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: không). Khoản trả trước cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi, ngoại trừ các khoản trả trước cho TTCIZ hưởng lãi suất năm từ 10,5% đến 12% trong năm (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 8,2% đến 12%).

Trong khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác có khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	261.806.054.574	397.124.797.402
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	35.904.299.058	21.363.986.000
	297.710.353.632	418.488.783.402

Trong năm, Tập đoàn đã ghi nhận khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 67.568.189.969 VND thông qua việc bán mía giống và phân bón (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 89.449.605.900 VND) và đã căn trừ khoản 301.859.099.396 VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 241.035.829.594 VND).

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của người nông dân và hưởng lãi suất năm từ 7,8% đến 12% trong năm (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 8% đến 13%). Các khoản trả trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày giải ngân.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	40.022.448.427	48.850.972.567
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Bao bì Thành Thành Công	211.952.189	475.001.368
Lãi phải thu từ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên, một cổ đông	328.877.705	404.458.334
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công, một công ty liên kết	-	6.787.840.584
Lãi phải thu từ Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	271.244.461	-
Lãi phải thu từ các công ty khác	511.530.228	-
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1.304.953.646	102.583.598.641
Phải thu khác	6.535.910.987	1.641.344.953
	49.186.917.643	160.743.216.447

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	35.904.299.058	21.363.986.000
Phải thu từ Dự án Svayrieng ở Cam Pu Chia	12.707.425.000	13.424.062.229
	48.611.724.058	34.788.048.229

Khoản phải thu dài hạn khác bao gồm khoản 12.707.425.000 VND (30/6/2014: 13.424.062.229 VND) góp cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Tập đoàn và Svayrieng Ltd Co., để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Tập đoàn sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này. Tập đoàn cam kết thu mua toàn bộ mía thu hoạch từ dự án này.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Nguyên vật liệu	33.796.888.944	96.273.123.996
Công cụ và dụng cụ	771.473.815	160.652.368
Sản xuất kinh doanh dở dang	25.479.310.297	13.829.296.766
Thành phẩm	658.135.893.261	487.576.719.523
Hàng hóa	30.434.144.508	12.485.237
Hàng gửi đi bán	1.437.771.255	15.451.909.835
	<hr/>	<hr/>
	750.055.482.080	613.304.187.725
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(819.491.576)	(242.556.887)
	<hr/>	<hr/>
	749.235.990.504	613.061.630.838

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho (trong năm/kỳ) như sau:

	Từ 1/7/2014	Từ 1/7/2013
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu năm/kỳ	242.556.887	242.556.887
Tăng trong năm/kỳ	576.934.689	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm/kỳ	819.491.576	242.556.887

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 293.750 triệu VND và VND tương đương 14,85 triệu USD (30/6/2014: 380.000 triệu VND và VND tương đương 17,85 triệu USD) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn. Theo các hợp đồng vay, khoản thế chấp hàng tồn kho tương đương 143.750 triệu VND và VND tương đương 3,6 triệu USD có thể được thay thế bằng các khoản phải thu với giá trị tương đương.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm khoản 6.775.803.893 VND (30/6/2014: 1.448.315.590 VND) là chi phí bảo trì ngoài vụ và khoản 17.988.519.134 VND (30/6/2014: 26.970.131.669 VND) là chi phí phát triển vùng nguyên liệu sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất của vụ mùa 2015-2016.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	282.064.393.766	1.336.677.203.750	21.532.977.284	5.025.310.672	58.405.330.530	1.703.505.216.002
Tăng trong năm	119.511.527	5.857.271.817	4.978.789.999	-	-	10.955.573.343
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	1.891.317.818 -	39.485.681.120 (8.284.106.654)	878.000.000 (2.364.991.837)	1.040.796.900 -	- -	43.295.795.838 (10.649.098.491)
Số dư cuối năm	284.075.223.111	1.373.736.050.033	24.824.775.446	6.066.107.572	58.405.330.530	1.747.107.486.692
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	150.886.142.039	962.849.612.830	11.291.648.322	4.243.351.629	58.350.743.765	1.187.621.498.585
Khấu hao trong năm Thanh lý	10.129.543.580 -	73.864.171.710 (1.491.040.522)	2.797.469.063 (2.364.991.837)	369.116.959 -	26.533.360 -	87.186.834.672 (3.856.032.359)
Số dư cuối năm	161.015.685.619	1.035.222.744.018	11.724.125.548	4.612.468.588	58.377.277.125	1.270.952.300.898
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	131.178.251.727	373.827.590.920	10.041.328.962	781.959.043	54.586.765	515.883.717.417
Số dư cuối năm	123.059.537.492	338.513.306.015	13.100.649.898	1.453.638.984	28.053.405	476.155.185.794

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 227.923 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 227.518 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 117.173 triệu VND (30/6/2014: 197.392 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.483.754.819	3.624.987.152	51.108.741.971
Tăng trong năm	10.483.200.000	249.510.000	10.732.710.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	7.073.876.420	7.073.876.420
Số dư cuối năm	57.966.954.819	10.948.373.572	68.915.328.391
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.170.349.887	3.101.544.419	10.271.894.306
Khấu hao trong năm	1.047.782.278	339.787.874	1.387.570.152
Số dư cuối năm	8.218.132.165	3.441.332.293	11.659.464.458
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	40.313.404.932	523.442.733	40.836.847.665
Số dư cuối năm	49.748.822.654	7.507.041.279	57.255.863.933

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 4.360 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 4.360 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 36.373 triệu VND (30/6/2014: 40.313 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu năm/kỳ	43.583.923.504	59.319.464.393
Tăng trong năm/kỳ	177.464.723.004	16.551.693.780
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(43.295.795.838)	(20.822.488.864)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(7.073.876.420)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(130.640.000)	(602.442.524)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(10.050.165.628)
Xóa sổ	-	(812.137.653)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm/kỳ	170.548.334.250	43.583.923.504

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính bao gồm:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	92.700.623.082	30.756.242.003
Kho bãi	69.147.898.320	-
Khác	8.699.812.848	12.827.681.501
	<hr/>	<hr/>
	170.548.334.250	43.583.923.504

Trong năm, chi phí khấu hao được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 728.299.260 VND (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 361.156.618 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 92.701 triệu VND (30/6/2014: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2015			30/6/2014		
	Số cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Số cổ phiếu	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết
Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:						
▪ Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thanh Công	24.500.000	49,00%	49,00%	205.795.566.787	49,45%	49,45%
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	14.938.616	23,71%	23,71%	217.948.152.104	21,64%	21,64%
▪ Công ty Cổ phần Đường La Ngà	-	-	-	2.040.802	24,89%	24,89%
▪ Công ty Cổ phần Đường Nước Trong	1.389.302	23,95%	23,95%	1.389.302	23,95%	23,95%
▪ Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh	3.157.920	26,32%	26,32%	3.157.920	26,32%	26,32%
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	1.440.000	48,00%	48,00%	720.000	24,00%	24,00%
▪ Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	-	-	-	9.240.000	23,69%	23,69%
				517.891.777.476		618.760.451.526
Đầu tư dài hạn khác						
▪ Đầu tư cổ phiếu				93.667.053.100		74.915.050.000
▪ Đầu tư dài hạn khác				770.062.384		770.812.384
				94.437.115.484		75.685.862.384
				(68.333.087)		(69.083.087)
				612.260.559.873		694.377.230.823

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Đầu tư cổ phiếu bao gồm:

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đường Cần Thơ	840.897	18.752.003.100	-	-
	6.834.101	93.667.053.100	5.993.204	74.915.050.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, 12.630.296 cổ phiếu của Đường Biên Hòa (30/6/2014: 9.135.148 cổ phiếu của Đường Biên Hòa, 4.200.000 cổ phiếu của Mía đường Gia Lai và 2.996.602 cổ phiếu của Đường Ninh Hòa) với giá trị ghi sổ là 176.612 triệu VND (30/6/2014: 241.159 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn cũng đã thế chấp toàn bộ cổ phiếu của TTCIZ với Ngân hàng TMCP Phương Đông để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng của TTCIZ.

Biến động đầu tư tài chính dài hạn trong năm/kỳ như sau:

	Đầu tư vào các công ty liên kết		Đầu tư dài hạn khác	
	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu năm/kỳ	618.760.451.526	582.582.675.481	75.685.862.384	75.762.012.204
Tăng đầu tư trong năm/kỳ	22.675.444.016	25.200.000.000	18.752.003.100	-
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết, cần trừ với phân bổ lợi thế thương mại	59.890.974.620	10.701.542.219	-	-
Thay đổi trong quỹ khác	2.919.523.230	-	-	-
Cổ tức nhận được	(13.630.296.000)	(1.389.302.000)	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện liên quan đến các giao dịch trong nội bộ tập đoàn	(1.765.785.112)	1.665.535.826	-	-
Thanh lý	(170.958.534.804)	-	-	-
Thu hồi các khoản đầu tư	-	-	(750.000)	(76.149.820)
Số dư cuối năm/kỳ	517.891.777.476	618.760.451.526	94.437.115.484	75.685.862.384

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm/kỳ như:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu năm/kỳ	69.083.087	71.732.907
Hoàn nhập	(750.000)	(2.649.820)
Số dư cuối năm/kỳ	68.333.087	69.083.087

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu năm/kỳ	25.398.671.617	1.553.111.727
Tăng trong năm/kỳ	20.763.861.736	26.724.626.440
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	130.640.000	602.442.524
Phân bổ trong năm/kỳ	(5.810.602.516)	(3.481.509.074)
Số dư cuối năm/kỳ	40.482.570.837	25.398.671.617

15. Vay ngắn hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay ngắn hạn	555.558.945.507	1.355.634.416.331
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	112.318.342.000	47.413.342.000
	667.877.287.507	1.403.047.758.331

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
• Hongkong and Shanghai Banking Corporation Ltd (i)	USD	2,3%	152.880.000.000	-
• Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	USD	4,5%	-	115.700.000.000
• Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	5,5% - 6,0%	-	241.900.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) (ii)	VND	5,5% - 6,1%	12.475.466.047	210.261.706.000
• Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (iii)	VND	5,3%	152.224.575.460	118.187.023.200
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	5,5%	-	227.823.633.121
• Ngân hàng TNHH Thương mại Chinatrust (iv)	VND	5,3% - 6,2%	78.000.000.000	60.000.000.000
• Ngân hàng TNHH Shinhan Việt Nam (v)	VND	5,3% - 6,1%	60.000.000.000	59.599.731.492
• Ngân hàng TMCP Quân đội (vi)	VND	5,3% - 6,2%	99.978.904.000	94.200.000.000
• Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	4,5%	-	89.432.352.000
• Ngân hàng Natixis – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	VND	6,2% - 6,5%	-	62.976.000.000
• Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	VND	8,5%	-	57.533.970.518
• Khoản vay không đảm bảo từ các nhân viên	VND	6,2% - 6,5%	-	18.020.000.000
			555.558.945.507	1.355.634.416.331

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và nhà máy tại Huyện Tân Châu với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 4.450 triệu VND và 114.488 triệu VND.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu USD (30/6/2014: 15 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ mỗi khoản tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 11,25 triệu USD (30/6/2014: 11,25 triệu USD và 11,25 triệu USD).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 160.000 triệu VND (30/6/2014: 200.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 150.000 triệu VND và 50.000 triệu VND (30/6/2014: 150.000 triệu VND và 100.000 triệu VND).
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu USD (30/6/2014: 3,6 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 3,6 triệu USD (30/6/2014: 3,6 triệu USD).

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (30/6/2014: 60.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 143.750 triệu VND (30/6/2014: 143.750 triệu VND).

16. Phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải trả các cổ đông	6.762.622.795	17.929.137.249
Phải trả các bên liên quan khác	39.217.444.545	-

Khoản phải trả thương mại cho các cổ đông và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo lịch trình đồng ý giữa các bên.

17. Người mua trả tiền trước

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả trước từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	66.731.910.000	45.695.210.000
Trả trước từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan để mua mặt đường	8.697.734.000	-
Trả trước từ Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công, một bên liên quan để mua mặt đường	-	120.400.000
Các khách hàng khác	5.821.983.841	2.548.337.151
	81.251.627.841	48.363.947.151

Khoản trả trước từ các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

- (*) Số dư phản ánh khoản trả trước bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Tập đoàn và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"). Theo hợp đồng này, Tập đoàn đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng của Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Sacombank. Tại ngày báo cáo, giao dịch chưa được hoàn tất. Tập đoàn đang trong quá trình chuyển giao quyền sử dụng đất và nhà cửa cho Sacombank và cho rằng giao dịch này sẽ được hoàn tất trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.433.329.945
Thuế thu nhập cá nhân	18.598.337	954.671.420
Thuế thu nhập doanh nghiệp	822.397.891	-
	<hr/>	<hr/>
	840.996.228	4.388.001.365
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

19. Chi phí phải trả

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Phí vận chuyển và bốc dỡ	5.260.591.500	5.055.191.305
Chi phí lãi vay	2.537.822.410	2.699.097.912
Phép năm không sử dụng	435.336.620	574.018.820
Chi phí khác	2.585.388.561	1.818.118.920
	<hr/>	<hr/>
	10.819.139.091	10.146.426.957
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía	2.570.106.649	1.576.076.357
Phải trả cho Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	441.188.085	408.948.935
Phải trả khác	927.158.995	884.831.123
	<hr/>	<hr/>
	5.138.453.729	4.069.856.415
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm/kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu năm/kỳ	22.350.117.493	16.447.220.705
Tăng trong năm/kỳ	3.688.248.683	19.120.533.359
Sử dụng trong năm/kỳ	(12.851.966.177)	(13.217.636.571)
Số dư cuối năm/kỳ	13.186.399.999	22.350.117.493

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Vay dài hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn	620.930.671.000	126.883.550.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15)	(112.318.342.000)	(47.413.342.000)
Hoàn trả sau 12 tháng	508.612.329.000	79.470.208.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn được đảm bảo:					
• Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh	VND	9,6%	2016	-	2.633.000.000
• Quỹ Đầu tư Phát triển Tỉnh Tây Ninh	VND	9,6%	2016	-	4.750.000.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu (i)	VND	7,5%	2022	36.414.963.000	52.328.500.000
• Ngân hàng TMCP Á Châu (i)	VND	7,5%	2022	24.600.000.000	52.854.000.000
• Hongkong and Shanghai Banking Corporation Ltd (ii)	USD	2,28%	2020	546.000.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	VND		2017	434.000.000	-
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iv)	VND		2018	1.550.000.000	-
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
• Công ty TNHH Mía Đường Tây Ninh (v)	VND	4,62%	2020	11.931.708.000	14.318.050.000
				620.930.671.000	126.883.550.000

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND (30/6/2015: 100 tỷ VND). Nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 24 quý bằng nhau, mỗi quý trả 2.542 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là ngày 15 tháng 5 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng 12.630.296 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (30/6/2014: 9.135.148 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và 4.200.000 cổ phiếu của Công ty Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai) với giá trị ghi sổ là 179.612 triệu VND (30/6/2014: 189.198 triệu VND) và quyền sử dụng đất tại Thành phố Tây Ninh với giá trị còn lại là 31.923 triệu VND, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 92.701 triệu VND và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 75.000 triệu VND. Trong năm, các điều khoản thanh toán đã được thay đổi.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 triệu USD. Nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 20 quý bằng nhau, mỗi quý trả 1.250 triệu USD. Kỳ hoàn trả cuối cùng là ngày 2 tháng 6 năm 2020. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và nhà máy tại Huyện Tân Châu với giá trị còn lại lần lượt là 4.450 triệu VND và 114.488 triệu VND. Các tài sản này cũng được thế chấp tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 15 (i)).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 520 triệu VND. Nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 10 quý bằng nhau, mỗi quý trả 43 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là ngày 14 tháng 11 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại tỉnh Tây Ninh và máy móc với giá trị còn lại lần lượt là 654 triệu VND và 2.874 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi trong hai năm đầu và giảm 50% lãi phải trả trong năm thứ ba theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.690 triệu VND. Nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 11 quý bằng nhau, mỗi quý trả 140 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là ngày 2 tháng 2 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại tỉnh Tây Ninh và máy móc với giá trị còn lại lần lượt là 654 triệu VND và 2.874 triệu VND. Các tài sản này cũng được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho khoản vay dài hạn (Thuyết minh 22 (iii)). Khoản vay này không chịu lãi trong hai năm đầu và giảm 50% lãi phải trả trong năm thứ ba theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013.
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (30/6/2014: 36.000 triệu VND). Nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được hoàn trả trong 10 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND. Kỳ hoàn trả cuối cùng là ngày 10 tháng 4 năm 2020.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi ích cổ đồng thiểu số VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	(4.960.381.269)	158.748.506.638	1.776.602.113.792	-	1.776.602.113.792
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	47.651.081.870	47.651.081.870	-	47.651.081.870
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	23.900.666.699	11.950.333.349	-	(54.971.533.407)	(19.120.533.359)	-	(19.120.533.359)
Có tức	-	-	-	-	-	-	(71.086.537.650)	(71.086.537.650)	-	(71.086.537.650)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	120.999.110.932	99.511.076.572	(4.960.381.269)	80.341.517.451	1.734.046.124.653	-	1.734.046.124.653
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	188.337.154.266	188.337.154.266	635.917.590	188.973.071.856
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	4.610.310.854	2.305.155.427	-	(10.603.714.964)	(3.688.248.683)	-	(3.688.248.683)
Thay đổi trong quỹ khác	-	-	-	-	-	2.919.523.230	-	2.919.523.230	-	2.919.523.230
Có tức	-	-	-	-	-	-	(666.542.350)	(666.542.350)	-	(666.542.350)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	125.609.421.786	101.816.231.999	(2.040.858.039)	257.408.414.403	1.920.948.011.116	635.917.590	1.921.583.928.706

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm
2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(61.577.199.043)	(4.993.840)	(61.577.199.043)
Số cổ phiếu đang lưu hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ trong năm/kỳ.

25. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Quỹ này được lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán đường	1.856.723.222.826	832.043.415.624
▪ Bán mật đường	110.143.954.086	57.596.491.995
▪ Bán điện	37.339.285.513	26.875.760.400
▪ Bán phân bón	50.853.743.786	78.320.691.875
▪ Khác	16.607.663.094	10.206.544.770
	2.071.667.869.305	1.005.042.904.664
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	4.767.867.003	1.386.144.246
Doanh thu thuần	2.066.900.002.302	1.003.656.760.418

27. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá vốn đường	1.602.003.973.065	730.820.421.085
Giá vốn mật đường	110.584.361.555	56.849.034.771
Giá vốn điện	33.470.324.847	26.242.526.809
Giá vốn phân bón	48.506.318.581	82.584.580.511
Khác	13.097.688.514	2.040.450.805
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	576.934.689	-
	1.808.239.601.251	898.537.013.981

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	28.865.824.570	26.114.113.012
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.064.254.900	160.371.896
Lãi từ khoản cho các bên liên quan vay	49.279.279.328	40.000.510.159
Thu nhập cổ tức	3.019.902.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.493.954.916	219.131.122
Lãi từ thanh lý đầu tư vào cổ phiếu	43.141.297	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	25.524.408	-
	83.791.881.419	66.494.126.189

29. Chi phí tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	80.244.824.475	47.857.981.696
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(25.070.001.931)	(582.436.114)
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.403.283.247)	10.371.913.324
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào các công ty liên kết	1.671.484.804	-
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào cổ phiếu	242.115.132	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.696.995.640	860.507.138
Chi phí tài chính khác	8.888.111.365	-
	68.270.246.238	58.507.966.044

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Chi phí bán hàng

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân viên	5.734.610.188	1.663.817.488
Chi phí khấu hao và phân bổ	197.515.778	170.829.957
Chi phí thuê	1.774.131.891	532.110.324
Chi phí dịch vụ cung ứng	51.610.896.875	22.363.989.527
Chi phí tư vấn	1.070.000.000	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	5.564.711.727	1.566.992.527
Chi phí bán hàng khác	2.412.920.122	908.421.065
	68.364.786.581	27.206.160.888

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nhân viên	29.120.099.452	11.630.558.671
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.403.731.557	1.646.296.171
Chi phí tư vấn và kiểm toán	4.494.816.122	1.858.794.762
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.152.461.138	2.469.135.513
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.041.947.928	5.618.488.317
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.329.872.904	5.523.186.261
	65.542.929.101	28.746.459.695

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	18.317.918.389	4.844.277.890
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	11.033.186.285
	18.317.918.389	15.877.464.175
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	4.003.890.358
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.014.642.696	1.066.675.292
	1.014.642.696	5.070.565.650
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	19.332.561.085	20.948.029.825

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	208.305.632.941	68.599.111.695
Thuế tính theo thuế suất áp dụng của Công ty	20.830.563.294	6.859.911.170
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	978.377.342	-
Thu nhập không chịu thuế	(7.793.777.682)	-
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các hoạt động khác	-	2.421.852.374
Chi phí không được khấu trừ thuế	151.780.733	26.848.478
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.014.642.696	1.066.675.292
Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	4.150.974.702	(460.443.774)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	11.033.186.285
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	19.332.561.085	20.948.029.825

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế cho các hoạt động chính. Công ty được hưởng các ưu đãi thuế do nằm trong địa bàn được ưu đãi thuế. Do đó, theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 2 tháng 8 năm 2014, Công ty cũng được phép nộp thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22%.

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 188.973 triệu VND (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 47.651 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 143.506.160 (từ 1/1/2014 đến 30/6/2014: 143.506.160), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	188.973.071.856	47.651.081.870

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm/kỳ	143.506.160	143.506.160

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho nông dân trồng mía và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(*)	137.028.958.788	256.951.887.379
Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ nợ	(**)	179.000.000.000	96.016.483.079
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	321.647.116.691	443.257.204.000
Trả trước cho nông dân trồng mía	(****)	283.631.515.128	400.793.916.142
		921.307.590.607	1.197.019.490.600

(*) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

() Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ nợ**

Các khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản cho một cổ đông vay. Tập đoàn có rủi ro tín dụng nếu cổ đông không hoàn trả khoản vay. Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng bằng cách kiểm soát việc thực hiện và tình hình tài chính của cổ đông. Ban Giám đốc tin rằng các khoản đầu tư ngắn hạn này có chất lượng tín dụng cao.

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu tài sản đảm bảo cho mỗi đơn đặt hàng đối với một số khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	27.171.997.930	25.238.516.053
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	4.727.748.834	50.001.046.737
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	2.609.086.623	10.926.711.926
Quá hạn trên 365 ngày	623.622.765	549.742.421
	35.132.456.152	86.716.017.137

(*) Khoản trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng hộ nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ hộ nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện cấp tín dụng và thu hồi vốn chuẩn cho hộ nông dân đó. Một số hộ nông dân trồng mía được yêu cầu thế chấp giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản trả trước. Ngoài ra, hộ nông dân phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cân trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa hộ nông dân và Tập đoàn. Hộ nông dân có số dư quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản trả trước mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Ban Giám đốc tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước cho nông dân trồng mía chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	10.016.511.025	2.212.686.010
Quá hạn trên 365 ngày	238.727.019	754.835.157
	10.255.238.044	2.967.521.167

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động của dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm/kỳ như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu năm/kỳ	31.782.826.019	22.345.608.300
Tăng dự phòng trong năm/kỳ	4.164.659.898	10.371.913.324
Sử dụng dự phòng trong năm/kỳ	(7.092.267.222)	(934.695.605)
Hoàn nhập	(5.567.943.145)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm/kỳ	23.287.275.550	31.782.826.019

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tồn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	555.558.945.507	562.694.849.703	562.694.849.703	-	-	-
Phải trả người bán	82.666.961.595	82.666.961.595	82.666.961.595	-	-	-
Phải trả người lao động	4.512.096.380	4.512.096.380	4.512.096.380	-	-	-
Chi phí phải trả	10.819.139.091	10.819.139.091	10.819.139.091	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.138.453.729	5.138.453.729	5.138.453.729	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	620.930.671.000	674.530.375.467	92.978.360.020	138.083.950.767	389.735.904.289	53.732.160.391
	1.279.626.267.502	1.340.361.875.965	758.809.860.518	138.083.950.767	389.735.904.289	53.732.160.391

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	1.355.634.416.331	1.381.906.561.814	1.381.906.561.814	-	-	-
Phải trả người bán	70.009.425.207	70.009.425.207	70.009.425.207	-	-	-
Phải trả người lao động	2.205.023.120	2.205.023.120	2.205.023.120	-	-	-
Chi phí phải trả	10.146.426.957	10.146.426.957	10.146.426.957	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.069.856.415	4.069.856.415	4.069.856.415	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	126.883.550.000	146.753.552.479	58.103.400.428	53.525.982.004	32.653.765.278	2.470.404.769
	1.568.948.698.030	1.615.090.845.992	1.526.440.693.941	53.525.982.004	32.653.765.278	2.470.404.769

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán hàng, mua hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có các khoản (nợ)/tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2015 USD	30/6/2014 USD
Tiền	3.624	201
Phải thu khách hàng	96.217	276.705
Vay ngắn hạn	(7.000.000)	-
Phải trả người bán	(16.400)	-
Vay dài hạn	(25.000.000)	-
	(31.916.559)	276.906

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
1 USD	21.780	21.300

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần VND
30/6/2015	
USD (mạnh thêm 2%)	(12.512.567.790)
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	54.127.670

Biến động ngược lại của tỷ giá đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Đầu tư tài chính ngắn hạn	179.000.000.000	96.016.483.079
Vay dài hạn	(11.931.708.000)	(21.701.050.000)
	167.068.292.000	74.315.433.079
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	137.028.958.788	256.951.887.379
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	247.727.216.070	379.429.930.142
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	35.904.299.058	21.363.986.000
Vay ngắn hạn	(555.558.945.507)	(1.355.634.416.331)
Vay dài hạn	(608.998.963.000)	(105.182.500.000)
	(743.897.434.591)	(803.071.112.810)

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm 6.695 triệu VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (30/6/2014: 7.227 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	138.062.494.402	258.582.561.758
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ nợ	179.000.000.000	96.016.483.079
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	321.647.116.691	443.257.204.000
- Trả trước cho nông dân trồng mía	283.631.515.128	400.793.916.142
- Đầu tư dài hạn khác	701.729.297	701.729.297
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu	7.021.531.368	-
- Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu	93.667.053.100	74.915.050.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Vay ngắn hạn	555.558.945.507	1.355.634.416.331
- Phải trả người bán và phải trả khác	87.805.415.324	74.079.281.622
- Nợ ngắn hạn khác	15.331.235.471	12.351.450.077
- Vay dài hạn	620.930.671.000	126.883.550.000

Những chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, các khoản phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác, trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, vay ngắn hạn và nợ ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Vay dài hạn, trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía và đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ:

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào cổ phiếu ngoại trừ các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu được xác định bằng cách tham chiếu tới giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 7.195.541.700 VND và 73.716.409.200 VND (30/6/2014: không và 73.716.409.200 VND).

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm/kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Cho vay	229.000.000.000	180.000.000.000
Thu nhập lãi vay	17.050.557.748	13.517.758.274
Bán hàng hóa	129.196.707.607	65.695.731.423
Mua mía nguyên liệu	58.396.211.667	41.272.763.199
Trả trước mua đường và mật đường	121.630.400.000	102.583.598.641
Mua dịch vụ	11.583.767.151	535.477.370
Cung cấp dịch vụ	40.909.091	-
Mua cổ phiếu	7.920.000.000	-
Phân phối cổ tức	-	17.623.800.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thuận Thiên		
Cho vay	-	70.000.000.000
Thu nhập lãi vay và lãi khoản trả trước	3.852.917.347	2.886.239.129
Mua hàng hóa	44.391.388.825	71.478.013.333
Trả trước mua hàng hóa	60.098.000.000	-
Mua cổ phiếu	3.500.520.200	-
Bán cổ phiếu	23.125.000.000	-
Phân phối cổ tức	7.807.991.922	17.527.835.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công		
Cho vay	80.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	2.355.680.555	1.183.739.577
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.187.618.116	1.356.319.046
Thu nhập từ cho thuê bồn mật ri	229.090.910	130.909.092
Mua hàng hóa	196.821.222.523	210.951.314.963
Mua dịch vụ	2.734.839.036	-
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Thành Thành Công		
Nợ vay gốc nhận được	128.960.577.469	60.000.000.000
Thu nhập lãi vay	5.598.962.922	10.664.773.696
Thu nhập lãi từ khoản trả trước	8.149.348.898	11.772.322.666
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán hàng hóa	1.603.214.378	22.777.015.714
Mua hàng hóa	70.605.510.379	11.400.000
Mua dịch vụ	1.036.116.057	-
Chi phí gia công	7.406.757.000	440.371.300
Cung cấp dịch vụ lưu kho	34.403.748	408.490.386
Cổ tức nhận được	13.630.296.000	-

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công		
Góp vốn cổ phần	-	266.995.596
Mua mía	1.028.708.000	1.006.534.000
Mua mía giống	49.600.000	43.515.000
Mua dịch vụ	308.000.000	-
Thuê đất	240.000.000	240.000.000
Bán hàng hóa	170.602.929	-
Công ty Cổ phần Đường Nước Trong		
Cổ tức nhận được	-	1.389.302.000
Bán mía	1.517.060.000	6.688.500
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai		
Góp vốn cổ phần	-	25.200.000.000
Cho vay	10.000.000.000	-
Mua mía nguyên liệu	50.931.942.844	63.571.428.571
Thu nhập lãi vay	293.333.334	-
Cung cấp dịch vụ	634.093.523	92.934.551
Bán hàng hóa	158.511.690	15.032.000
Thanh lý tài sản cố định	7.700.000.000	-
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu công nghiệp Đặng Huỳnh		
Mua mía nguyên liệu	57.991.406.145	-
Mua dịch vụ	651.265.000	-
Thuê đất	67.491.898.320	-
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	4.795.923.114	2.204.594.444

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi phải thu chuyển thành nợ gốc vay	6.771.612.399	10.724.713.751
Lãi phải thu cần trừ với các khoản phải trả người bán	25.315.210.440	37.540.656.114
Mua xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	1.988.290.000	-

**Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

37. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (*)	682.633.992.072	667.319.552.785
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	58.651.577.936	7.750.800.000
	741.285.570.008	675.070.352.785

(*) Các cam kết vốn chính đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	30/6/2015 VND
Dự án Ethanol	442.341.796.890
Dự án Espace Bourbon Tây Ninh	240.292.195.182
	682.633.992.072

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trong vòng một năm	884.237.386	852.231.908
Từ hai đến năm năm	-	469.806.938
	884.237.386	1.322.038.846

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(tiếp theo)


Mẫu B 09 – DN/HN

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.605.220.025.182	817.948.974.087
Chi phí nhân công và nhân viên	88.162.865.829	47.052.907.628
Chi phí khấu hao và phân bổ	88.574.404.824	42.430.274.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.528.186.253	32.953.567.797
Chi phí khác	75.661.834.845	14.103.910.457

Ngày 28 tháng 9 năm 2015

Người lập:



Lê Phát Tín
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Thanh Ngũ
Tổng Giám đốc

